

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2021
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vui

2. Bà Lê Thị Gấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc X, sinh năm 19xx, có mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Lý Thị T, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc X trình bày: Anh X và chị T kết hôn vào tháng 4 năm 1993 có đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn là do mọi việc trong gia đình do chị T tự quyết định không trao đổi ý kiến với anh X, nên vợ chồng bất hòa thường xuyên cãi nhau. Anh X đi làm biển vài tháng mới về nhà nhưng chị T không quan tâm đến anh, cuộc sống không hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 anh X về bên cha mẹ ruột sống đến nay không hàn gắn được tình cảm, anh X yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 31/3/20xx, Nguyễn Thị Thùy T sinh ngày 05/10/20xx, Nguyễn Thị Thùy L, sinh

ngày 03/9/20xx đang sống với chị T. Anh X yêu cầu giao chị Thúy nuôi con chung Nguyễn Thị Thùy L, anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Đối với Nguyễn Ngọc M và Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu.

* Quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị T vắng mặt, không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc X, anh X được ly hôn chị Lý Thị T. Về con, giao con chung Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 03/9/20xx cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lý Thị T, nhưng chị T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[1] Về hôn nhân, anh Nguyễn Ngọc X và chị Lý Thị T tự nguyện kết hôn, được UBND xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 189 ngày 18/10/2002 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn gia đình như anh X trình bày, nên anh X nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Tòa án triệu tập chị T nhiều lần đến Tòa để hòa giải hàn gắn tình cảm, nhưng chị T không đến, cho thấy chị T không muốn duy trì hôn nhân. Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh X.

[2] Về nuôi con chung, Tòa án xác minh điều kiện nuôi con của anh X và chị T. Mặc dù chị T không có ý kiến về nuôi con chung. Tuy nhiên từ trước đến nay chị T trực tiếp nuôi con chung đã ổn định cuộc sống. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Thị Thùy L muốn tiếp tục sống với mẹ phù hợp hoàn cảnh, điều kiện sống hiện nay. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh X về nuôi con chung phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, ghi nhận đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Án phí sơ thẩm: Anh X phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc X.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc X và chị Lý Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 03/9/20xx cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Án phí sơ thẩm: Anh X phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ số tiền 600.000 đồng theo biên lai số 0018477 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Chị T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- UBND xã Kiểng Phước, huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

